

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 3 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Tên tiếng Anh: Anpha Petrol Joint Stock Company. Tên viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Minh Loan	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 01/8/2020)
Ông Takehiko Kawamoto	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 01/8/2020)
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 05/6/2020)
Ông Takehiko Kawamoto	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 05/6/2020, miễn nhiệm từ ngày 01/8/2020)
Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên
Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên
Ông Yasuyoshi Kasahara	Thành viên

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Yasuyoshi Kasahara	Trưởng Ban
Ông Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
Ông Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Trần Minh Loan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Số: 113/2021/BCKTHN-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, được lập ngày 09/4/2021, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Bùi Thị Thủy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Lưu Minh Tới**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2017-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		599.690.210.290	559.148.655.740
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	47.248.111.790	34.152.786.141
1. Tiền	111		47.248.111.790	34.152.786.141
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	39.118.357.615	3.595.420.280
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		39.118.357.615	3.595.420.280
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		395.681.719.250	319.189.787.560
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	299.004.087.009	237.247.292.730
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.733.137.746	20.650.264.695
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	3.000.000.000	3.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	85.038.009.345	66.234.328.385
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(6.097.163.350)	(10.599.184.693)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	3.648.500	2.657.086.443
IV- Hàng tồn kho	140	5.8	77.653.639.156	174.865.436.141
1. Hàng tồn kho	141		77.653.639.156	174.865.436.141
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		39.988.382.479	27.345.225.618
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	8.649.550.372	13.360.896.426
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.951.456.991	12.915.913.873
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	387.375.116	1.068.415.319
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		1.196.367.440.716	1.067.856.516.520
I Các khoản phải thu dài hạn	210		52.367.554.947	60.866.689.505
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	18.337.320.000	18.337.320.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	34.030.234.947	42.529.369.505
II Tài sản cố định	220		164.433.506.432	99.307.344.592
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	90.402.397.938	77.716.128.295
- Nguyên giá	222		263.407.070.938	253.180.013.916
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(173.004.673.000)	(175.463.885.621)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	74.031.108.494	21.591.216.297
- Nguyên giá	228		77.931.705.048	27.650.649.796
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.900.596.554)	(6.059.433.499)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.547.654.229	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.547.654.229	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		146.365.625.655	114.754.564.791
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.13	24.775.625.655	18.516.264.791
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.13	16.590.000.000	71.718.300.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.13	-	(480.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	105.000.000.000	25.000.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		830.653.099.453	792.927.917.632
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	725.648.121.991	511.320.181.663
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.18	74.372.287	-
3. Lợi thế thương mại	269	5.14	104.930.605.175	281.607.735.969
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.796.057.651.006	1.627.005.172.260

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.288.638.251.374	1.131.730.872.412
I- Nợ ngắn hạn	310		1.065.971.310.482	871.653.864.784
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	314.796.115.208	266.231.546.974
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.764.484.781	9.607.370.034
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	13.795.729.664	22.239.324.099
4. Phải trả người lao động	314		14.198.526.686	9.836.109.601
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	10.331.335.046	4.730.731.569
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	4.535.200.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	58.767.964.674	133.515.903.523
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	649.755.020.621	420.395.545.182
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		562.133.802	562.133.802
II- Nợ dài hạn	330		222.666.940.892	260.077.007.628
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	49.530.092.615	45.976.617.988
2. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.19	169.625.928.000	211.693.571.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.18	3.510.920.277	2.406.818.640
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		507.419.399.632	495.274.299.848
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	507.419.399.632	495.274.299.848
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	2.232.720.345
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	358.509.881
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		117.966.637.434	101.339.245.457
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		86.551.852.889	40.741.782.730
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31.414.784.545	60.597.462.727
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		14.317.463.982	16.514.754.065
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.796.057.651.006	1.627.005.172.260


Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Người lập



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	2.766.643.336.682	2.706.376.013.170
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.21	43.193.473.307	148.023.810.371
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.21	2.723.449.863.375	2.558.352.202.799
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	2.288.765.534.708	2.037.430.158.879
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		434.684.328.667	520.922.043.920
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	102.893.758.923	2.142.023.359
7. Chi phí tài chính	22	5.24	32.222.307.660	35.758.169.573
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>27.105.045.397</i>	<i>31.324.026.022</i>
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		5.572.214.336	3.664.093.199
9. Chi phí bán hàng	25	5.25	313.598.787.019	338.591.137.263
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	157.520.696.852	111.136.593.821
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		39.808.510.395	41.242.259.821
12. Thu nhập khác	31	5.27	14.795.793.014	20.457.703.259
13. Chi phí khác	32	5.27	7.626.242.878	685.636.050
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		7.169.550.136	19.772.067.209
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		46.978.060.531	61.014.327.030
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	13.214.909.837	20.235.708.890
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.29	1.762.547.990	732.818.640
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		32.000.602.704	40.045.799.500
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		33.368.864.278	39.746.423.536
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.368.261.574)	299.375.964
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.30	880	1.064

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Trần Minh Loan



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	46.978.060.531	61.014.327.030
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BẾSDT	02	57.737.566.468	52.906.833.972
- Các khoản dự phòng	03	(4.951.921.743)	(791.674.205)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(552.022.248)	1.048.988.640
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(95.855.179.876)	(13.506.034.022)
- Chi phí lãi vay	06	27.105.045.397	31.521.320.219
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	30.461.548.529	132.193.761.634
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(83.619.574.303)	25.526.985.386
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	99.898.713.940	(53.998.166.215)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(37.461.183.692)	172.615.582.877
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	75.217.694.968	36.794.245.552
- Tiền lãi vay đã trả	14	(27.966.648.604)	(35.306.717.689)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.298.308.964)	(9.525.795.477)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(535.174.832)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.697.067.042	268.299.896.069
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(8.777.278.911)	(26.419.143.992)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	956.945.941	1.114.631.312
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(139.000.000.000)	(122.691.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.000.000.000	405.756.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(72.293.727.739)	(89.084.354.372)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.937.553.753	6.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.242.809.783	20.122.187.887
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(191.933.697.173)	194.798.320.835
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.004.061.917.375	1.439.138.633.157
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.820.993.789.373)	(1.891.254.873.004)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.642.491.630)	(33.617.825.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	164.425.636.372	(485.734.065.797)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	13.189.006.241	(22.635.848.894)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	34.152.786.141	56.788.635.035
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	(93.680.592)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 =60+61+62)	70	47.248.111.790	34.152.786.141

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

am **Tổng Giám đốc**



Lại Văn Tú



Lại Văn Tú



Trần Minh Loan

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 26/5/2015 là 373.399.290.000 VND (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Tên tiếng Anh: Anpha Petrol Joint Stock Company. Tên viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX). Mã cổ phiếu: ASP.

Trụ sở chính của Công ty tại Phòng 805, lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động bình quân trong năm 2020 của Công ty và các Công ty con là: 1414 người (năm 2019: 1384 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cầu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

1.4 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các Công ty con được hợp nhất và Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ tại ngày 31/12/2020	
			Lợi ích (%)	Quyền biểu quyết (%)
Các Công ty con trực tiếp				
1	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,57%	98,57%
2	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Định	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần MT Gas	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	67,56%	67,56%
4	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đức Hải	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	80,00%	80,00%
5	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	97,99%	97,99%
Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)				
6	Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%
7	Công ty TNHH MTV Minh Gia	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%
8	Công ty Cổ phần Liên doanh Hướng Dương Machidas Gas	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,98%	0,02%
9	Công ty Cổ phần Nam Gas (i)	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,99%	99,99%
10	Công ty Cổ phần Ngọn lửa Thần (i)	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	99,97%	99,97%
11	Công ty Cổ phần Khí đốt Gia Định (ii)	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	98,46%	98,46%
12	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đặng Toàn (iii)	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	100,00%	100,00%
Các Công ty liên kết				
1	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	Sản xuất bình Gas	35,00%	35,00%
2	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%
3	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%
4	Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	49,00%	49,00%
5	Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	37,53%	38,30%

(i) Tại ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Nam Gas và Công ty Cổ phần Ngọn lửa thần đã làm thủ tục sáp nhập vào Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh.

(ii) Tại ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Khí đốt Gia Định đã làm thủ tục sáp nhập vào Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha.

(iii) Tại ngày 31/8/2020, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đặng Toàn đã làm thủ tục sáp nhập vào Công ty TNHH Một thành viên Khí đốt Gia đình.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính ban hành, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con, Công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian không quá 10 năm.

Khi thanh lý Công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (tiền mặt, các khoản phải thu): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần nơi Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 31/12/2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay..): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần nơi Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 31/12/2020.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là Công ty mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có Công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty với công ty liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm Quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	08
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	07 - 08

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hiệu lực của Quyền sử dụng đất, Quyền sử dụng đất không có thời hạn không được trích khấu hao.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của phần mềm máy tính từ 03 đến 05 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán thuế tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian hiệu lực của từng hợp đồng (đối với hợp đồng thuê tài sản, chi phí bảo hiểm, hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ tín dụng bảo lãnh).

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 06 năm 2009 và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 hướng dẫn về Chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai. Chi phí thay van bình gas được phân bổ trong thời gian 5 năm. Chi phí kiểm định vỏ bình, chi phí sơn, sửa chữa, bảo dưỡng vỏ bình gas được quy định phân bổ trong thời gian 3 năm.

Chi phí thuê được ghi nhận ban đầu theo số tiền thuê trả trước và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê của hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (sau khi điều chỉnh phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và các khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu khác) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	5.492.880.309	5.366.707.282
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.755.231.481	28.786.078.859
Tổng	47.248.111.790	34.152.786.141

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn (*)	39.118.357.615	39.118.357.615	3.595.420.280	3.595.420.280
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	25.500.000.000	25.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Sài Gòn	378.357.615	378.357.615	354.334.958	354.334.958
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Lê Văn Sỹ	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	3.040.000.000	3.040.000.000	3.041.085.322	3.041.085.322
Dài hạn (**)	105.000.000.000	105.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Sài Gòn	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Lê Văn Sỹ	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Tổng	144.118.357.615	144.118.357.615	28.595.420.280	28.595.420.280

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại với kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất áp dụng từ 6,5%/năm - 7,1%/năm.

(**) Tiền gửi có kỳ hạn trình bày tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 7,1% - 7,6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Năng Lượng An Phú	18.437.345.856	27.731.353.617
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	12.113.696.559	9.716.799.704
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Anh	10.244.551.856	9.540.013.611
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang	14.284.059.716	9.823.725.342
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	9.477.644.804	13.987.694.488
Công ty Cổ phần Năng Lượng Gas Miền Trung	6.554.514.224	7.561.774.050
Khách hàng khác	227.892.273.994	158.885.931.918
Tổng	299.004.087.009	237.247.292.730
<i>Trong đó, Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 6.2)</i>	<i>36.004.141.590</i>	<i>33.528.219.534</i>

5.4 Phải thu về cho vay

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Phải thu cho vay ngắn hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Ông Nguyễn Thế Giáp (1)	2.600.000.000	2.600.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Minh Nghệ (2)	200.000.000	200.000.000
Hộ Kinh doanh Nguyễn Văn Dinh (3)	200.000.000	200.000.000
b) Phải thu cho vay dài hạn	18.337.320.000	18.337.320.000
Công ty CP Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt (4)	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang (5)	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát (6)	8.217.320.000	8.217.320.000
Tổng	21.337.320.000	21.337.320.000
<i>Trong đó, phải thu về cho vay từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 6.2)</i>	<i>18.337.320.000</i>	<i>18.337.320.000</i>

(1) Khoản cho Ông Nguyễn Thế Giáp vay theo hợp đồng số 26/2019/HĐVT/ASP-NTG ngày 16/5/2019 với số tiền là 2.600.000.000 VND. Lãi suất 5%. Thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Ngày 16/5/2020, Công ty và ông Nguyễn Thế Giáp có thỏa thuận gia hạn khoản vay thêm 12 tháng kể từ ngày 16/5/2020.

(2) Khoản cho Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ Gas Nguyễn Trọng Nghệ theo Hợp đồng VAY_ASP/NTN 2017 ngày 29/6/2017 với số tiền vay là 200.000.000 VND, lãi suất tiền vay là 0%, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó, Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và Dịch vụ Gas Nguyễn Trọng Nghệ cam kết tiêu thụ sản phẩm mang thương hiệu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha. Ngày 29/6/2020, Công ty và Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ Gas Nguyễn Trọng Nghệ có thỏa thuận gia hạn thời hạn thêm 12 tháng kể từ ngày 29/6/2020.

(3) Khoản cho Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Dinh theo Hợp đồng VAY_ASP/NVD 2017 ngày 29/6/2017 với số tiền vay là 200.000.000 VND, lãi suất tiền vay là 0%, thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó, Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Dinh cam kết tiêu thụ sản phẩm mang thương hiệu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha. Ngày 29/6/2020, Công ty và Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ Gas Nguyễn Trọng Nghệ có thỏa thuận gia hạn thời hạn thêm 12 tháng kể từ ngày 29/6/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.4 Phải thu về cho vay (Tiếp theo)

(4) Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 5.520.000.000 VND. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt.

(5) Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 4.600.000.000 VND. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty TNHH Vinh Quang.

(6) Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017 với số tiền là 8.217.320.000 VND. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm. Theo Hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thay vào đó là quyền Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha được tham gia điều hành Công ty TNHH Tân Đại Phát.

5.5 Phải thu khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	85.038.009.345	(836.998.051)	66.234.328.385	(2.076.220.266)
- Tạm ứng	7.692.716.863	-	10.000.934.734	(1.239.222.215)
- Phải thu lợi nhuận từ Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina	1.925.000.000	-	5.600.000.000	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.770.393.918	-	94.183.986	-
- Ký cược, ký quỹ	31.810.309.182	-	19.883.938.104	-
- Ứng tiền cho Ông Trần Minh Loan mua Cổ phần Công ty Đông Phương	-	-	9.410.327.455	-
- Phải thu thuế thu nhập cá nhân nộp hộ	9.628.452.928	-	3.038.304.479	-
- Phải thu chiết khấu	9.039.280.997	-	8.610.944.182	-
- Phải thu khác	15.171.855.457	(836.998.051)	9.595.695.445	(836.998.051)
Dài hạn	34.030.234.947	-	42.529.369.505	-
- Ký cược, ký quỹ	27.041.234.947	-	25.621.221.947	-
- Phải thu Ông Trần Minh Loan	-	-	9.443.147.558	-
- Phải thu Ông Trần Quốc Bửu (1)	2.185.000.000	-	2.685.000.000	-
- Phải thu uỷ thác đầu tư Ông Vũ Thanh Hòa (2)	4.780.000.000	-	4.780.000.000	-
- Phải thu khác	24.000.000	-	-	-
Tổng	119.068.244.292	(836.998.051)	108.763.697.890	(2.076.220.266)
<i>Trong đó, phải thu khác từ bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 6.2)</i>	<i>2.179.677.381</i>	<i>-</i>	<i>24.453.475.013</i>	<i>-</i>

(1) Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 VND, mỗi năm thanh toán 500.000.000 VND kể từ năm 2018 đến năm 2025.

(2) Công ty ủy quyền cho Ông Vũ Thanh Hòa thực hiện mua 16% cổ phần của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.6 Nợ xấu

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	6.097.163.350	-	12.174.464.278	1.575.279.585
<i>Công ty Cổ phần Công Nghệ An Toàn Dầu Khí Việt Nam</i>	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Khí Đốt Nam Việt</i>	-	-	2.583.837.341	-
<i>Các đối tượng khác</i>	4.797.163.350	-	8.290.626.937	1.575.279.585
	Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm VND	Quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm VND	Quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm VND	Quá hạn trên 3 năm VND
Chi tiết thời gian quá hạn				
Công ty Cổ phần Công Nghệ An Toàn Dầu Khí Việt Nam	-	-	-	1.300.000.000
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Nam Việt	-	-	-	-
Các đối tượng khác				4.797.163.350

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Khí hóa lỏng	-	-	184.446	2.299.938.330
Gas bình 45 kg	-	-	8.338	116.828.117
Hàng hóa khác	-	-	-	28.797.753
Tài sản khác	-	3.648.500	-	211.522.243
Tổng	-	3.648.500	192.784	2.657.086.443

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	894.478.446	-	2.038.289.333	-
Công cụ, dụng cụ	3.917.524.450	-	2.635.518.727	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.412.116.983	-	1.019.736.160	-
Thành phẩm	8.391.271	-	588.396.082	-
Hàng hóa	69.421.128.006	-	168.583.495.839	-
Tổng	77.653.639.156	-	174.865.436.141	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.649.550.372	13.360.896.426
- Phí bảo lãnh mua LPG	948.968.961	424.740.712
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.020.107.642	1.037.447.129
- Chi phí thuê văn phòng và khác	6.680.473.769	11.898.708.585
b) Dài hạn	725.648.121.991	511.320.181.663
- Chi phí mua vỏ chai LPG (*)	327.711.026.994	391.205.200.794
- Chi phí sơn, sửa, kiểm định, thay vỏ chai LPG	52.234.996.069	102.698.661.816
- Chi phí thuê đất dài hạn	4.638.960.000	4.122.909.091
- Chi phí trả trước dài hạn khác	17.361.270.376	13.293.409.962
- Chi phí lợi thế kinh doanh tại cửa hàng LPG (**)	323.701.868.552	-
Tổng	734.297.672.363	524.681.078.089

(*) Chi phí mua vỏ chai LPG được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02/6/2009 và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10/8/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai.

(**) Trình bày giá trị lợi thế kinh doanh tại các cửa hàng kinh doanh LPG được đánh giá lại sau quá trình sáp nhập các Công ty Cổ phần Nam Gas, Công ty Cổ phần Ngọn lửa thần vào Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh; sáp nhập Công ty Cổ phần Khí đốt Gia đình vào Công ty Cổ phần Dầu khí An Pha.

5.10 Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2020
	VND	trong năm	trong năm	VND
Phải nộp	22.239.324.099	86.905.239.375	95.348.833.810	13.795.729.664
Thuế GTGT	2.427.294.957	62.410.589.490	61.981.762.118	2.856.122.329
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	306.776.459	8.553.898.563	8.860.675.022	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.615.708.890	11.035.204.605	20.658.005.855	8.992.907.640
Thuế thu nhập cá nhân	881.387.791	3.977.840.640	2.920.684.737	1.938.543.694
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	138.383.000	138.383.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.156.002	789.323.077	789.323.078	8.156.001
Phải thu	1.068.415.319	1.316.498.721	635.458.518	387.375.116
Thuế GTGT nộp thừa	-	-	1.899.012	1.899.012
Thuế nhập khẩu nộp thừa	-	-	126.398	126.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.047.462.571	999.062.571	336.019.856	384.419.856
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	18.386.221	79.741.466	61.355.245	-
Thuế bảo vệ môi trường và thuế khác nộp thừa	2.566.527	237.694.684	236.058.007	929.850

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.11 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2020	73.707.849.738	96.049.527.291	78.834.984.907	2.512.685.744	2.074.966.236	253.180.013.916
Tăng trong năm	5.085.693.778	2.223.479.729	4.421.973.152	1.409.416.648	-	13.140.563.307
Mua trong năm	-	2.142.572.500	3.056.280.000	481.772.182	-	5.680.624.682
Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	330.477.636	-	-	330.477.636
Phân loại lại tài sản	-	-	-	927.644.466	-	927.644.466
Tặng do đánh giá lại tài sản sáp nhập	5.085.693.778	80.907.229	1.035.215.516	-	-	6.201.816.523
Giảm trong năm						
Thanh lý nhượng bán	-	927.644.466	1.985.861.819	-	-	2.913.506.285
Phân loại lại	-	-	1.985.861.819	-	-	1.985.861.819
Phân loại lại	-	927.644.466	-	-	-	927.644.466
Số dư tại 31/12/2020	78.793.543.516	97.345.362.554	81.271.096.240	3.922.102.392	2.074.966.236	263.407.070.938
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2020	56.373.813.993	62.054.948.667	52.782.137.232	2.238.208.676	2.014.777.053	175.463.885.621
Tăng trong năm	3.664.635.536	6.372.837.580	6.475.124.490	204.182.823	16.333.332	16.733.113.761
Khấu hao trong năm	3.664.635.536	6.372.837.580	6.218.086.338	204.182.823	16.333.332	16.476.075.609
Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	257.038.152	-	-	257.038.152
Giảm trong năm						
Thanh lý nhượng bán	3.470.700.578	10.902.626.063	4.706.576.626	112.423.115	-	19.192.326.382
Giảm do đánh giá lại tài sản sáp nhập	3.470.700.578	10.902.626.063	1.186.512.928	-	-	1.186.512.928
Giảm do đánh giá lại tài sản sáp nhập	-	-	3.520.063.698	112.423.115	-	18.005.813.454
Số dư tại 31/12/2020	56.567.748.951	57.525.160.184	54.550.685.096	2.329.968.384	2.031.110.385	173.004.673.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2020	17.334.035.745	33.994.578.624	26.052.847.675	274.477.068	60.189.183	77.716.128.295
Tại ngày 31/12/2020	22.225.794.565	39.820.202.370	26.720.411.144	1.592.134.008	43.855.851	90.402.397.938

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.11 Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 90.576.736.137 VND (tại ngày 31/12/2019: 79.009.810.444 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được sử dụng là tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2020 là 2.311.518.698 VND (tại ngày 31/12/2019: 1.764.444.254 VND).

5.12 Tài sản cố định vô hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2020	26.764.892.819	885.756.977	27.650.649.796
Tăng trong năm	50.569.055.252	549.000.000	51.118.055.252
Mua trong năm	-	549.000.000	549.000.000
Tăng do đánh giá lại tài sản sáp nhập	50.569.055.252	-	50.569.055.252
Giảm trong năm	-	837.000.000	837.000.000
Giảm do đánh giá lại tài sản sáp nhập	-	837.000.000	837.000.000
Số dư tại 31/12/2020	77.333.948.071	597.756.977	77.931.705.048
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2020	5.508.063.188	551.370.311	6.059.433.499
Tăng trong năm	445.380.767	109.383.728	554.764.495
Khấu hao trong năm	445.380.767	109.383.728	554.764.495
Giảm trong năm	2.593.033.827	120.567.613	2.713.601.440
Giảm do đánh giá lại tài sản sáp nhập	2.593.033.827	120.567.613	2.713.601.440
Số dư tại 31/12/2020	3.360.410.128	540.186.426	3.900.596.554
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	21.256.829.631	334.386.666	21.591.216.297
Tại ngày 31/12/2020	73.973.537.943	57.570.551	74.031.108.494

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 226.875.000 VND (tại ngày 31/12/2019: 226.875.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.13 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ tại ngày 31/12/2020		31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hongvina	35,00%	35,00%	19.782.715.625	24.775.625.655	15.952.715.625	18.516.264.791
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Đạt	49,00%	49,00%	1.470.000.000	852.591.280	1.470.000.000	1.195.427.197
Công ty TNHH Tân Đại Phát	49,00%	49,00%	2.385.320.000	-	2.385.320.000	-
Công ty TNHH Vinh Quang	49,00%	49,00%	1.372.000.000	1.385.827.614	1.372.000.000	1.382.151.480
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	38,30%	38,30%	3.830.000.000	3.834.205.981	-	-
Tổng			19.782.715.625	24.775.625.655	15.952.715.625	18.516.264.791
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư của hàng bán LPG của Công ty Rạng Đông			16.590.000.000	-	71.718.300.000	(480.000.000)
Đầu tư của hàng bán LPG của Công ty Thần Sáng			9.600.000.000	[1]	9.600.000.000	-
Đầu tư của hàng LPG tại Công ty CP Nam Gas			6.740.000.000	[1]	6.740.000.000	-
Công ty CP Năng Lượng VinaBenny			-	-	13.531.300.000	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thần Lửa			-	-	480.000.000	(480.000.000)
Đầu tư của hàng LPG - Minh Thảo			-	-	25.000.000.000	-
Công ty TNHH LPG Tiến Phát			250.000.000	[1]	16.367.000.000	-
Tổng			16.590.000.000	-	71.718.300.000	(480.000.000)

(1) Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của các khoản đầu tư tài chính này.

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty liên doanh, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 6.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.14 Lợi thế thương mại

Từ ngày 30/7/2020 đến ngày 26/8/2020, Công ty đầu tư trực tiếp vào Công ty CP Liên doanh Hướng Dương Machida Gas với tỷ lệ sở hữu là 99,99%, giá mua khoản đầu tư được chi trả bằng tiền với tổng giá trị là 67.215.782.000 VND.

Tới thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, Công ty vẫn đang trong quá trình xác định lại giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Cổ phần Liên doanh Hướng Dương Machida Gas. Do đó, Công ty đã sử dụng giá trị hợp lý tạm thời để hợp nhất Công ty con nêu trên.

Chi tiết giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty CP Liên doanh Hướng Dương Machida Gas như sau:

	Giá trị tại ngày mua VND
Tài sản	20.516.032.549
Nợ phải trả	18.296.048.191
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	2.219.984.358
Tỷ lệ sở hữu vốn tại ngày mua	99,99%
Giá phí hợp nhất kinh doanh	67.215.782.000
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong năm	64.996.019.640

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Lạc Hóa Dầu Bình Sơn	-	-	32.158.614.804	32.158.614.804
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	235.776.156.155	235.776.156.155	95.210.940.240	95.210.940.240
Pit International Trading Pte. Ltd.	-	-	23.098.501.350	23.098.501.350
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hong Vina	-	-	4.407.713.477	4.407.713.477
PNX Petroleum Singapore Pte., Ltd	-	-	28.646.514.000	28.646.514.000
EI Corporation	-	-	32.068.045.113	32.068.045.113
Các đối tượng khác	79.019.959.053	79.019.959.053	50.641.217.990	50.641.217.990
Tổng	314.796.115.208	314.796.115.208	266.231.546.974	266.231.546.974
<i>Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 6.2)</i>	<i>5.626.159.591</i>	<i>5.626.159.591</i>	<i>4.407.713.477</i>	<i>4.407.713.477</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.835.046.041	3.696.649.248
Trích trước chi phí chiết khấu	688.342.575	-
Chi phí phải trả khác	6.807.946.430	1.034.082.321
Tổng	10.331.335.046	4.730.731.569

5.17 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	58.767.964.674	133.515.903.523
Tài sản thừa chờ giải quyết	14.641.488	-
Kinh phí công đoàn	1.128.562.544	1.107.018.981
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	176.583.968	175.724.386
Tiền vơ thế chân phải trả	26.980.465.586	45.606.712.388
Phải trả Ngân hàng Mizuho Bank; Ltd	-	52.924.823.782
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.161.169.116	10.351.181.748
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	829.743.769	802.464.399
Chiết khấu phải trả	9.445.592.538	9.740.471.038
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.031.205.665	12.807.506.801
b) Dài hạn	49.530.092.615	45.976.617.988
Nhận ký quỹ, ký cược vơ bình gas	49.530.092.615	45.976.617.988
Tổng	108.298.057.289	179.492.521.511
<i>Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 6.2)</i>	<i>1.036.776.292</i>	<i>-</i>

5.18 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	74.372.287	-
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.510.920.277	2.406.818.640
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020 (VND)		Trong năm		01/01/2020 (VND)		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	649.755.020.621	649.755.020.621	1.812.304.516.375	1.582.945.040.936	420.395.545.182	420.395.545.182	
a) Vay ngắn hạn							
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội	-	-	174.910.319.744	249.436.592.692	74.526.272.948	74.526.272.948	
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	128.555.056.293	128.555.056.293	265.355.492.324	188.159.297.485	51.358.861.454	51.358.861.454	
Ngân hàng TMCP Á Châu Saisan Co., Ltd. (2)	67.164.000.000	67.164.000.000	14.851.991.207	14.851.991.207	-	-	
Ngân hàng Mizuho - Chi nhánh Hồ Chí Minh (3)	138.955.296.096	138.955.296.096	564.927.684.478	466.279.681.323	40.307.292.941	40.307.292.941	
Tokyo - Mitsubishi Bank - Chi nhánh Hồ Chí Minh (4)	261.950.407.795	261.950.407.795	645.351.429.622	567.944.139.666	184.543.117.839	184.543.117.839	
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (5)	9.264.000.000	9.264.000.000	9.264.000.000	-	-	-	
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (6)	38.908.800.000	38.908.800.000	38.908.800.000	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	143.560.000	143.560.000	-	-	
Công ty Cổ phần Machida Gas	4.634.000.000	4.634.000.000	5.430.000.000	796.000.000	-	-	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	323.460.437	323.460.437	749.239.000	425.778.563	-	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	Trong năm					Số có khả năng trả nợ
	31/12/2020 (VND)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	
b) Vay dài hạn	169.625.928.000	169.625.928.000	249.830.000.000	291.897.643.000	211.693.571.000	211.693.571.000
Saisan Co., Ltd.	-	-	3.780.000.000	212.760.000.000	208.980.000.000	208.980.000.000
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (5)	32.404.000.000	32.404.000.000	47.285.000.000	14.881.000.000	-	-
Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (6)	136.180.800.000	136.180.800.000	198.765.000.000	62.584.200.000	-	-
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội	932.000.000	932.000.000	-	466.000.000	1.398.000.000	1.398.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên	109.128.000	109.128.000	-	163.644.000	272.772.000	272.772.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm	-	-	-	150.000.000	150.000.000	150.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	-	749.239.000	749.239.000	749.239.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	-	143.560.000	143.560.000	143.560.000
Tổng	819.380.948.621	819.380.948.621	2.062.134.516.375	1.874.842.683.936	632.089.116.182	632.089.116.182

Trong đó, vay từ các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 6.2)

Các khoản vay chủ yếu của Công ty và các Công ty con trong năm:

[1] Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019:

- Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 15.500.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh;
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
- Ngày hết hạn giải ngân: 25/3/2020. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải Ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
- Biện pháp bảo lãnh: Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bên Bảo lãnh là Công ty Saisan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.19 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

[2] Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/021/19, và phụ lục Hợp đồng tín dụng số FL/012/20 ngày 13/3/2020 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh,

- Hạn mức tín dụng: Tổng số tiền của Hạn mức tín dụng sẽ không vượt quá 12.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
- Mục đích của hợp đồng tín dụng: Tài trợ vốn lưu động chung và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
- Thời hạn rút vốn: Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 13/3/2020 đến ngày 15/3/2021, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.
- Biện pháp bảo đảm: Thư bảo lãnh được cấp bởi Công ty Saisan.

[3] Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 01 ngày 24/12/2019:

- Hạn mức tín dụng là 13.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;
- Mục đích: Tài trợ nhu cầu kinh doanh của bên vay. Điều kiện đảm bảo: Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng. Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;
- Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn: Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.

[4] Hợp đồng vay vốn với Saisan Co., Ltd. số USD1,9M_LOAN/SAISAN-ASP/JULY2020 ngày 01/7/2020:

- Số tiền cho vay: 2.900.000 USD;
- Mục đích của khoản vay: bổ sung vốn lưu động, cụ thể là thanh toán tiền mua LPG, thanh toán lương thưởng của Công ty mẹ, và các Công ty con, thanh toán thuế nhập khẩu LPG;
- Thời hạn giải ngân khoản vay: 12 ngày tính từ ngày 01/7/2020 đến hết ngày 12/7/2020;
- Lãi suất cho vay cố định 3%/năm;
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[5] Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020.

- Số tiền cho vay: 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);
- Mục đích của khoản vay: cho vay tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
- Phương thức trả nợ: Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.
- Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

[6] Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020

- Số tiền cho vay: 8.400.000 USD;
- Mục đích của khoản vay: tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan;
- Ngày giải ngân: 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025;
- Ngày hoàn trả đầu tiên: 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên.
- Lãi suất: 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.20 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

							<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	2.230.235.181	356.546.460	80.397.044.230	23.602.407.162	481.415.303.133
Tăng trong năm	-	-	-	2.485.164	1.963.421	39.746.423.536	299.375.964	40.050.248.085
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	39.746.423.536	299.375.964	40.045.799.500
Tăng do hợp nhất	-	-	-	2.485.164	1.963.421	-	-	4.448.585
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	18.804.222.309	7.387.029.061	26.191.251.370
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	18.669.771.000	-	18.669.771.000
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	134.451.309	-	7.387.029.061	7.521.480.370
Số dư tại 31/12/2019	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	2.232.720.345	358.509.881	101.339.245.457	16.514.754.065	495.274.299.848
Số dư tại 01/01/2020	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	2.232.720.345	358.509.881	101.339.245.457	16.514.754.065	495.274.299.848
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	35.821.580.795	(1.282.183.902)	34.539.396.893
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	33.368.864.278	(1.368.261.574)	32.000.602.704
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	2.452.716.517	26.077.672	2.478.794.189
Tăng vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	60.000.000	60.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	1.926.492.229	358.509.881	19.194.188.818	915.106.181	22.394.297.109
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	18.669.771.000	-	18.669.771.000
Giảm do sáp nhập Công ty con	-	-	-	-	-	-	904.349.167	904.349.167
Giảm do hợp nhất	-	-	-	1.926.492.229	358.509.881	-	-	2.285.002.110
Giảm khác	-	-	-	-	-	524.417.818	10.757.014	535.174.832
Số dư tại 31/12/2020	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	-	117.966.637.434	14.317.463.982	507.419.399.632

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

Cổ đông	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	179.984.260.000	17.998.426	48,20%	179.984.260.000
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	21.881.000.000	2.188.100	5,86%	21.881.000.000
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	171.534.030.000	17.153.403	45,94%	171.534.030.000
Tổng	37.339.929	100,00%	373.399.290.000	37.339.929	100,00%	373.399.290.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	373.399.290.000	373.399.290.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	373.399.290.000	373.399.290.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.669.771.000	18.669.771.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.21 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán gas (LPG)	2.731.212.921.849	2.653.633.583.185
Doanh thu bán hàng khác	10.023.683.407	65.122.500
Doanh thu tiền đặt cọc vỏ bình gas	15.135.817.733	14.759.777.069
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.270.913.693	37.917.530.416
Tổng	2.766.643.336.682	2.706.376.013.170
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	36.396.959.825	143.351.643.435
Giảm giá hàng bán	4.829.602.488	3.153.756.290
Hàng bán bị trả lại	1.966.910.994	1.518.410.646
Tổng	43.193.473.307	148.023.810.371
Doanh thu thuần	2.723.449.863.375	2.558.352.202.799

5.22 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn bán gas (LPG)	2.272.520.789.749	2.019.494.167.806
Giá vốn bán hàng khác	1.046.842.317	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	15.197.902.642	17.935.991.073
Tổng	2.288.765.534.708	2.037.430.158.879

5.23 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.464.076.415	1.525.115.714
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.779.943.300	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.071.499.363	616.907.645
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	645.611.685	-
Lãi từ việc thoái vốn và sáp nhập công ty con	87.763.563.111	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	169.065.049	-
Tổng	102.893.758.923	2.142.023.359

5.24 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	27.105.045.397	31.324.026.022
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.361.098.661	2.939.884.892
Chi phí tài chính khác	756.163.602	1.494.258.659
Tổng	32.222.307.660	35.758.169.573

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.25 Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lương nhân viên bán hàng	134.908.747.666	123.714.387.599
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	63.395.086.285	57.736.461.896
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	25.478.864.931	31.379.895.755
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.767.167.194	7.208.434.329
Chi phí bán hàng khác	83.048.920.943	118.551.957.684
Tổng	313.598.787.019	338.591.137.263

5.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lương nhân viên	53.792.497.553	43.088.568.369
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.243.823.550	1.294.644.065
Phân bổ lợi thế thương mại	40.706.726.364	33.364.815.701
Chi phí quản lý khác	59.580.073.027	34.180.239.891
Chi phí dự phòng	2.197.576.358	(791.674.205)
Tổng	157.520.696.852	111.136.593.821

5.27 Lợi nhuận khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	197.382.553	884.445.250
Thanh lý, nhượng bán vỏ bình gas	897.671.834	-
Thu nhập từ chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	5.153.980.081	4.883.974.369
Thu nhập do đánh giá lại tài sản cố định sắp nhập	-	10.896.439.124
Thu nhập từ Gas dư	2.021.190.515	-
Các khoản khác	6.525.568.031	3.792.844.516
Tổng	14.795.793.014	20.457.703.259
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt và truy thu thuế	1.040.354.349	1.102
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	39.785.503	-
Các khoản khác	6.546.103.026	685.634.948
Tổng	7.626.242.878	685.636.050
Lợi nhuận khác	7.169.550.136	19.772.067.209

5.28 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.416.682.498	20.235.708.890
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	2.798.227.339	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.214.909.837	20.235.708.890

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	3.510.920.277	732.818.640
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(74.372.287)	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.674.000.000)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.762.547.990	732.818.640

5.30 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.368.864.278	39.746.423.536
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(524.417.818)	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.844.446.460	39.746.423.536
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	37.339.542	37.339.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	880	1.064

5.31 Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	175.590.213.167	321.470.201.611
Chi phí nhân công	198.416.864.701	207.615.084.962
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.180.440.295	18.199.651.038
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.727.825.711	160.357.495.035
Chi phí khác bằng tiền	68.571.073.462	45.435.738.245
Tổng	590.486.417.336	753.078.170.891

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Các cam kết khác**

- Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/NQHĐQT-ASP/2020 ngày 20/11/2020, Công ty đã ký kết thỏa thuận không hủy ngang số 470/BBLV-ASP/2020 ngày 20/11/2020 với đại diện cho các cổ đông tại Công ty Cổ phần LPG Biển Đông (“LPG Biển Đông”) về việc chuyển nhượng cổ phần của LPG Biển Đông. Theo đó, Công ty đã tạm ứng trước cho việc chuyển nhượng cổ phần này với số tiền là 2.499.000.000 VND. Đồng thời, theo thỏa thuận được ký, Công ty dự kiến sở hữu 49% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại LPG Biển Đông với giá trị chuyển nhượng dự kiến là 83,3 tỷ VND. Tới thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty và đại diện các cổ đông tại Công ty Cổ phần LPG Biển Đông chưa hoàn tất các thủ tục khác cần thiết để chuyển nhượng cổ phần tại LPG Biển Đông.

- Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Năm thứ nhất	2.356.363.636	2.356.363.636
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	11.781.818.182	11.781.818.182
Từ năm thứ năm trở đi	1.767.272.727	4.123.636.364
Tổng	15.905.454.545	18.261.818.182

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Takehiko Kawamoto	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 01/8/2020)	-	-
Nguyễn Hồng Hiệp	Thành viên	-	72.000.000
Tomohiko Kawamoto	Thành viên	-	72.000.000
Hirohisa Ikeno	Thành viên	-	72.000.000
Yasuyoshi Kasahara	Thành viên	-	72.000.000
Trần Minh Loan	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 01/8/2020)	-	72.000.000

Thù lao của thành viên Ban kiểm toán nội bộ

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Yasuyoshi Kasahara	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	-	-
Huỳnh Bửu Tuấn	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc	866.907.579	660.645.865
Hirohisa Ikeno	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Huỳnh Bửu Tuấn	Giám đốc Ban Hành chính Nhân sự	718.406.202	576.164.039
Cao Văn Anh	Giám đốc Ban Kế hoạch tài chính Kế toán	206.290.507	-
Nguyễn Quang Trung	Giám đốc Khối Dịch vụ Bán lẻ	972.674.751	490.761.400
Trương Hữu Phước	Giám đốc Khối Nguồn hàng	484.606.838	-
Lại Văn Tú	Kế toán trưởng	464.598.643	455.703.500
Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng Ban Pháp chế và Trưởng ban Kiểm tra	1.111.094.264	986.768.828

Giao dịch các bên liên quan trong năm

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Công ty TNHH Bình Khí Đốt Hong Vina	Mua, sơn, sửa , kiểm định vỏ chai LPG	10.091.792.000	21.419.238.000
	Bán hàng	2.420.785.429	3.018.199.161
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh	Bán LPG	51.302.759.265	53.773.034.712
	Mua hàng hóa	798.677.045	-
Công ty TNHH Vĩnh Quang	Bán LPG	48.777.965.744	64.828.612.590
	Mua hàng hóa	479.749.818	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Bán LPG	50.862.451.416	34.725.469.361
	Mua hàng hóa	485.464.545	-
	Phí gửi kho LPG	113.055.299	-
Saisan Co., Ltd.	Phí bảo hiểm	229.643.442	222.244.427
	CP bảo lãnh tín dụng	599.516.970	671.564.920
	Chi phí khác	556.091.642	206.837.234
	Lãi khoản vay	5.352.735.371	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Mua hàng hóa	2.664.943.733	-
Chi nhánh Công ty TNHH Năng Lượng Sài Gòn - Nhà Máy Sản xuất Bình áp Lực Mỹ Phước	Bán hàng hóa	1.053.752.122	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hongvina	Phí kiểm định sơn, sửa vỏ bình gas	4.521.768.700	-
	Cổ tức được chia	4.319.340.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<u>Phải thu khách hàng</u>			
Chi nhánh Công ty TNHH Năng Lượng Sài Gòn - Nhà Máy Sản xuất Bình áp Lực Mỹ Phước	Bán hàng hóa, dịch vụ	116.915.511	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Bán hàng hóa, dịch vụ	12.113.696.559	9.716.799.704
Công ty TNHH Bình khí đốt Hongvina	Bán hàng hóa, dịch vụ	11.825.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Bán hàng hóa, dịch vụ	9.477.644.804	13.987.694.488
Công ty TNHH Vinh Quang	Bán hàng hóa, dịch vụ	14.284.059.716	9.823.725.342

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<u>Phải thu khác</u>			
Công ty TNHH Bình khí đốt Hongvina	Cổ tức phải thu	1.925.000.000	5.600.000.000
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Các khoản chi hộ	254.677.381	-
Ông Trần Minh Loan	Xử lý công nợ phải thu khó đòi Công ty xăng dầu an pha	-	9.443.147.558
	Phải thu lại tiền ứng mua Cổ phần Công ty Xăng Dầu Đông Phương	-	9.410.327.455
<u>Phải thu về cho vay</u>			
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Tiền gốc vay phải thu	8.217.320.000	8.217.320.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Tiền gốc vay phải thu	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Vinh Quang	Tiền gốc vay phải thu	4.600.000.000	4.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với bên liên quan (Tiếp theo)**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2020</u> VND	<u>01/01/2020</u> VND
<u>Phải trả người bán</u>			
Chi nhánh Công ty TNHH Năng Lượng Sài Gòn - Nhà Máy Sản xuất Bình áp Lục Mỹ Phước	Mua hàng hóa, dịch vụ	869.339.460	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Đại Phát	Mua hàng hóa, dịch vụ	534.011.000	-
Công ty TNHH Bình khí đốt Hongvina	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	4.407.713.477
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt	Mua hàng hóa, dịch vụ	878.544.750	-
Công ty TNHH Vinh Quang	Mua hàng hóa, dịch vụ	527.724.800	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Mua hàng hóa, dịch vụ	2.816.539.581	-
<u>Phải trả khác</u>			
Công ty TNHH Bình khí đốt Hongvina	Nhận ký quỹ, ký cược	658.729.270	-
Công ty TNHH Khí dầu mỏ hóa lỏng Be Ta Gas	Nhận ký quỹ, ký cược	378.047.022	-
<u>Vay và nợ thuê tài chính</u>			
Saisan Co., Ltd.	Tiền gốc vay phải trả	67.164.000.000	278.640.000.000

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.248.111.790	34.152.786.141
Phải thu khách hàng và phải thu khác	433.312.487.951	347.338.798.472
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.118.357.615	3.595.420.280
Đầu tư tài chính dài hạn khác	121.590.000.000	96.238.300.000
Tổng	641.268.957.356	481.325.304.893
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	819.380.948.621	632.089.116.182
Phải trả người bán và phải trả khác	423.094.172.497	445.724.068.485
Chi phí phải trả	10.331.335.046	4.730.731.569
Tổng	1.252.806.456.164	1.082.543.916.236

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Tại 31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	649.755.020.621	169.625.928.000	819.380.948.621
Chi phí phải trả	10.331.335.046	-	10.331.335.046
Phải trả khách hàng và phải trả khác	373.564.079.882	49.530.092.615	423.094.172.497
Tổng	1.033.650.435.549	219.156.020.615	1.252.806.456.164
Tại 01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	420.395.545.182	211.693.571.000	632.089.116.182
Phải trả khách hàng và phải trả khác	399.747.450.497	45.976.617.988	445.724.068.485
Chi phí phải trả	4.730.731.569	-	4.730.731.569
Tổng	824.873.727.248	257.670.188.988	1.082.543.916.236

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.248.111.790	-	47.248.111.790
Phải thu khách hàng và phải thu khác	380.944.933.004	52.367.554.947	433.312.487.951
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.118.357.615	-	39.118.357.615
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	121.590.000.000	121.590.000.000
Tổng	467.311.402.409	173.957.554.947	641.268.957.356
Tại 01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.152.786.141	-	34.152.786.141
Phải thu khách hàng và phải thu khác	286.472.108.967	60.866.689.505	347.338.798.472
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.595.420.280	-	3.595.420.280
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	96.238.300.000	96.238.300.000
Tổng	324.220.315.388	157.104.989.505	481.325.304.893

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

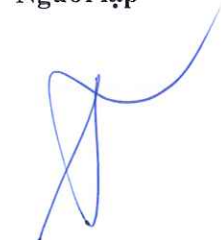
Mẫu B 09-DN/HN

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

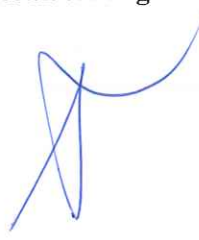
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Người lập



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Tổng Giám đốc



Trần Minh Loan